

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HÌNH CHI TIẾT

Trình đào tạo: **CAO HỌC**  
Ngành đào tạo: **GIÁO DỤC MẦM NON**  
Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 121/QĐ-CTSP ngày 15 tháng 9 năm 2008  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Huế)

### 1. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình giáo dục bậc học trình độ cao ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của GDMN trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các GVMN cần có phẩm chất, năng lực và sức khoẻ làm tốt công việc chỉn chu công tác giáo dục GDMN, có khả năng áp dụng các phương pháp phát triển của GDMN, có kiến thức bổ sung.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm, chia làm 6 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 108 tín chỉ, chia các phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh

4. Đối tượng tuyển sinh: học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông

5. Quy trình đào tạo, nội dung kiến thức thực tập: Thực hiện theo quy chế đào tạo bậc học và cao học chính quy theo hình thức tín chỉ, ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

### 6. Thang điểm:

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

#### 7.1. Khung chương trình đào tạo

7.1.1	Kiến thức giáo dục đại cương (chứa các phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - AN)	25
7.1.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83
	- Kiến thức cơ sở	10
	- Kiến thức ngành	45

	- Kỹ thuật cơ bản (tổng hợp)	04
	- Thực hành, thực tập	19
	- Khóa luận	5

TT	Mã HP	Khí KT/tên HP	S TC	Loại tín chỉ				HP tiên quyết
				Lên lớp		TH/TN	T NC	
				LT	T.lưu n/ bài tập			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>		<b>Khí kiến thức giáo dục cơ bản</b>						
<b>I</b>		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>10</b>					
1	<b>1 01 001</b>	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	2				
2	<b>1 01 002</b>	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	3				<b>1 01 001</b>
3	<b>1 01 003</b>	Tổng hợp Hồ Chí Minh	2	2				
4	<b>1 01 007</b>	Nguyên lý cách mạng xã hội chủ nghĩa CS VN	3	3				
<b>II</b>		<b>Ngoại ngữ, Tin học không chuyên</b>	<b>9</b>					
1	<b>1 60 001</b>	Tiếng Anh 1	3	3				
2	<b>1 60 002</b>	Tiếng Anh 2	2	2				<b>1 60 001</b>
3	<b>1 60 003</b>	Tiếng Anh 3	2	2				<b>1 60 002</b>
4	<b>1 62 001</b>	Tin học cơ bản	2	2				
<b>III</b>	<b>1 72 001</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	3			3		
<b>IV</b>	<b>1 75 001</b>	<b>Giáo dục quốc phòng – An ninh</b>	6	6				
<b>V</b>		<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>2</b>					
1	<b>1 42 001</b>	Môi trường và công nghệ	2	2				
<b>VI</b>		<b>Khoa học xã hội và nhân văn</b>	<b>2</b>					
1	<b>1 02 002</b>	Quản lý hành chính NN và QL ngành	2	2				
<b>VII</b>		<b>Tổng hợp (SV chọn 1/2 HP - 2 TC)</b>	<b>2</b>					
1	<b>1 07 001</b>	Giáo dục công dân	2	2				
2	<b>1 40 101</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2				
<b>B</b>		<b>Khí kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>						
<b>I</b>		<b>Kỹ thuật cơ sở kỹ thuật ngành và ngành</b>	<b>10</b>					
1	<b>1 03 001</b>	Tâm lý học cơ bản	2	2				
2	<b>1 03 107</b>	Giáo dục học cơ bản	2	2				<b>1 03 001</b>
3	<b>1 10 101</b>	Musical	3			3		
4	<b>1 10 102</b>	Âm nhạc và múa	3			3		

<b>II</b>		<b>Ki n th c ngành</b>	<b>45</b>					
1	<b>1 03 401</b>	S h c và s PTTL tr em l a tu i MN 1	2	2				
2	<b>1 03 402</b>	S h c và s PTTL tr em l a tu i MN 2	3	3				<b>1 03 401</b>
3	<b>1 10 401</b>	S phát tri n th ch t tr em l a tu i MN	2	2				
4	<b>1 10 402</b>	Ch ng trình giáo d c MN	2	2				
5	<b>1 03 403</b>	Giáo d c gia ình	2	2				<b>1 03 107</b>
6	<b>1 03 404</b>	Ngh giáo viên m m non	2	2				
7	<b>1 03 405</b>	T ch c ho t ng vui ch i	2	2				
8	<b>1 10 403</b>	T ch c ho t ng t o hình	2			2		<b>1 10 101</b>
9	<b>1 10 404</b>	T ch c ho t ng âm nh c	2			2		
10	<b>1 10 405</b>	Ph ng pháp phát tri n ngôn ng	3	3				
11	<b>1 10 406</b>	Ph ng pháp làm quen v i v n h c	2	2				
12	<b>1 10 407</b>	Ph ng pháp làm quen v i toán	2	2				
13	<b>1 10 408</b>	PP khám phá khoa h c và MTXQ	3	3				
14	<b>1 10 409</b>	Ph ng pháp giáo d c th ch t	2			2		
15	<b>1 10 410</b>	V sinh – Dinh d ng	2	2				
16	<b>1 10 411</b>	Phòng b nh và m b o an toàn	2	2				
17	<b>1 10 412</b>	PT và t ch c th c hi n CT GDMN	2	2				
18	<b>1 10 413</b>	Qu n lý trong giáo d c m m non	2	2				
19	<b>1 03 406</b>	ánh giá trong giáo d c m m non	2	2				
20	<b>107 401</b>	Giáo d c hoà nh p	2	2				
21	<b>1 03 407</b>	Giáo d c h c m m non	2	2				<b>1 03 107</b>
<b>III</b>		<b>T ch n (SV c ch n 2/3 HP = 4 tc)</b>	<b>4</b>					
1	<b>1 10 415</b>	CNTT và ng d ng CNTT trong GDMN	2	2				<b>1 62 001</b>
2	<b>1 10 416</b>	V n h c thi u nhi và c k di n c m	2	2				
3	<b>1 10 417</b>	Chuyên i m i trong giáo d c MN	2	2				
<b>IV</b>		<b>Th c hành, th c t p, khoá lu n</b>	<b>24</b>					
1	<b>1 10 951</b>	Ki n t p s ph m	2			2		
2	<b>1 10 952</b>	Th c hành s ph m	4			4		
3	<b>1 10 953</b>	Th c t p s ph m	4			4		
4	<b>1 10 954</b>	Th c t p cu i khoá	9			9		
5	<b>1 10 955</b>	Khóa lu n	5				5	
6	<b>1 10 956</b>	<i>Ti p c n tr n v n trong phát tri n ngôn ng</i>	3			3		HP thay KL
7	<b>1 10 957</b>	<i>Ph ng pháp giáo d c âm nh c</i>	2			2		HP thay KL
		<b>T ng s vtc toàn khóa</b>	<b>108</b>					

(ch a k các ph n n i dung GD th ch t và GD qu c phòng – An ninh)

HI UTR NG  
CH T CH H KH& T